

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ - TCD ngày 31 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Xây dựng)*

Tên ngành, nghề: Nề - Hoàn thiện

Mã ngành, nghề : 40510105

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên

Thời gian đào tạo: 02 năm.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề Nề - Hoàn thiện trình độ Trung cấp nhằm trang bị cho người học sự phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, có đạo đức tư cách, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

Học sinh học nghề Nề - Hoàn thiện được trang bị những kiến thức cơ bản mở rộng, kiến thức chuyên môn cần thiết, quản lý, thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật và tổ chức thi công trong phạm vi được giao nhiệm vụ, nhằm phục vụ cho nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, theo kịp tiến bộ khoa học kỹ thuật.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Kiến thức:**

- Trình bày được các quy định của bản vẽ thiết kế công trình xây dựng; trình bày được phương pháp đọc một bản vẽ thiết kế;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản và chuyên môn các công việc của nghề Nề - Hoàn thiện (xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, làm họa tiết trang trí, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép) nhằm phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm và hạ giá thành sản phẩm;

- Trình bày được kỹ thuật thi công các công việc được giao thực hiện;

- Trình bày được ứng dụng một số thành tựu kỹ thuật - công nghệ, vật liệu mới ở một phạm vi nhất định vào thực tế nơi làm việc.

- Hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng – An ninh theo chương trình đào tạo.

* Kỹ năng cứng: Về chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp. Đạt bậc 2/5 của Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, với những kỹ năng cụ thể:

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật và xác định được vị trí, kích thước của công trình;

- Sử dụng được các loại máy, dụng cụ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề xây dựng;

- Làm được các công việc của nghề Nề - Hoàn thiện như: xây gạch, trát, lát, láng, ốp, gia công, làm họa tiết trang trí, lắp dựng và tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo, gia công lắp đặt cốt thép và một số công việc khác.

- Xử lý được các sai phạm nhỏ thường gặp trong quá trình thi công.

* Kỹ năng mềm:

- Có năng lực thực hiện các kỹ năng thiết yếu, bao gồm: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng nhận thức, kỹ năng quan sát, kỹ năng ứng dụng thực tế, kỹ năng kiên trì.

- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT - BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc;

- Có khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, biết quản lý thời gian, sáng tạo và nhạy bén trong quá trình làm việc và cuộc sống hàng ngày;

- Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

1.3. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Làm các công việc thuộc lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc các doanh nghiệp xây dựng;

- Tự tổ chức tổ/nhóm thợ thực hiện các công việc của nghề xây dựng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học mô đun: 17.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 63 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học/mô đun chuyên môn: 1365 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 468 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập, thực tập thí nghiệm: 1067 giờ; Kiểm tra: 85 giờ.

3. Nội dung chương trình

| Mã Môn học/ Mô đun | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) | | | |
|--------------------|---------------------------------------|------------|-------------------------|------------|--|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập thảo luận | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 12 | 255 | 94 | 148 | 13 |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MH 04 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MH 05 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MH 06 | Tiếng Anh | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | 51 | 1365 | 374 | 919 | 72 |
| <i>II.1</i> | <i>Môn học, mô đun cơ sở</i> | <i>17</i> | <i>255</i> | <i>153</i> | <i>84</i> | <i>18</i> |
| MH 07 | Vẽ kỹ thuật | 5 | 75 | 27 | 42 | 6 |
| MH 08 | Cấu tạo kiến trúc | 4 | 60 | 41 | 15 | 4 |
| MH 09 | Vật liệu xây dựng | 3 | 45 | 42 | 0 | 3 |
| MH 10 | Dự toán | 5 | 75 | 43 | 27 | 5 |
| <i>II.2</i> | <i>Môn học, mô đun chuyên môn</i> | <i>34</i> | <i>1110</i> | <i>221</i> | <i>835</i> | <i>54</i> |
| MĐ 11 | Kỹ thuật xây | 7 | 220 | 55 | 155 | 10 |
| MĐ 12 | Kỹ thuật trát, láng | 9 | 260 | 65 | 185 | 10 |

| Mã Môn học/ Mô đun | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) | | | |
|--------------------|-------------------------------|------------|-------------------------|------------|--|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập thảo luận | Kiểm tra |
| MĐ 13 | Kỹ thuật lát, ốp | 5 | 150 | 37 | 103 | 10 |
| MĐ 14 | Kỹ thuật hoàn thiện trang trí | 3 | 90 | 18 | 66 | 6 |
| MĐ 15 | Kỹ thuật bả ma tít, sơn vôi | 2 | 60 | 14 | 42 | 4 |
| MĐ 16 | Autocard | 3 | 90 | 21 | 63 | 6 |
| MĐ 17 | Thực tập sản xuất | 5 | 240 | 11 | 221 | 8 |
| Tổng cộng | | 63 | 1620 | 468 | 1067 | 85 |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khoá:

- Để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các cơ sở đào tạo nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh có sự tham gia vận hành của các thiết bị, dụng cụ, máy phục vụ cho sản xuất.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội ... có thể bố trí cho người học tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

| TT | Nội dung | Thời gian |
|----|--|---|
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 19 giờ |
| 2 | Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt công đồng. | Ngoài giờ học hằng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (1 buổi/ tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu. | Tất cả các ngày làm việc trong tuần. |

| | | |
|---|---|--|
| 4 | Vui chơi, giải trí và hoạt động đoàn thể. | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật. |
| 5 | Tham quan dã ngoại | Mỗi học kỳ 1 lần. |

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Việc thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được thực hiện theo “Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp” ban hành kèm theo quyết định số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội./.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Việc thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo “Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp” ban hành kèm theo quyết định số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

4.5. Các chú ý khác

- Chương trình có thể được thực hiện đào tạo theo các phương thức: Đào tạo theo niên chế hoặc đào tạo theo tích lũy tín chỉ, mô đun.

- Thời gian đào tạo:

+ Đối với đối tượng tốt nghiệp Trung học phổ thông: 1,5 năm.

+ Đối với đối tượng tốt nghiệp Trung học cơ sở: 02 năm./.



Nguyễn Thị Hoài

